

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 5 – 2022

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền

Bà Trương Ánh Hoa

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L, sinh năm 1987. Có mặt.

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh N, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị T, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Ấp B, xã T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2022, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa Chị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N chung sống như vợ chồng vào 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, thành phố Cà Mau. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc thời gian khoảng 2 – 3 ba năm nay cha mẹ chồng bị bệnh sinh ra khó khăn nên và vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm ai, chị và anh N đã sống ly thân từ ngày 21 tháng 7 năm 2021 cho đến nay, vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống vợ chồng được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N. Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn thì chị cũng không về chung sống với anh N.

Về con chung: Có 02 người con tên Trương Đăng Khôi, sinh ngày 10/5/2008 và Trương Nguyên Chương, sinh ngày 10/10/2014 hiện nay hai con đang sống với

anh N. Khi ly hôn, các con có nguyện vọng sống với anh N nên chị yêu cầu giao hai con cho anh N nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có; Về tài sản riêng: Chị có 05 chỉ vàng 24kra. Vào năm 2017, chị cho chị chồng là T mượn 5 chỉ vàng 24kra, thỏa thuận thời gian 01 tháng sẽ trả lại cho chị. Đến tháng 12/2021, chị T đã trả chị 01 chỉ còn nợ 04 chỉ vàng 24kra đến tháng 4/2022 chị T đã trả vàng cho chị xong nên chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án anh N trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của Chị L về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, nơi có đăng ký kết hôn và từ khi kết hôn đến nay vợ chồng sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Do cha bị bệnh nên mỗi năm còn mẹ bị bệnh thân phải chạy thận thường xuyên không biết mất lúc nào, cha mẹ khó khăn với con cháu nên Chị L sống không nổi nên yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, anh yêu cầu tòa án hòa giải hàn gắn cho vợ chồng anh chị và anh sẽ cất nhà cho vợ chồng anh ở riêng, không ở chung với cha mẹ nữa, còn cha mẹ giao lại cho anh em nuôi.

Về con chung: Có 02 người con tên Trương Đăng Khôi, sinh ngày 10/5/2008 và Trương Nguyên Chương, sinh ngày 10/10/2014 hiện nay hai con đang sống với anh N đúng như Chị L trình bày, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý nhận nuôi hai con và không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với 04 chỉ vàng 24kra Chị L cho chị T mượn là tài sản riêng của Chị L nên khi ly hôn Chị L yêu cầu chị T trả số vàng trên anh đồng ý. Nếu chị T không trả thì anh nhận trách nhiệm trả cho Chị L.

Về nợ chung: Không có.

Đối với chị T, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị T và chị T thừa nhận có nợ Chị L 04 chỉ vàng 24kra. Khi Chị L và anh N ly hôn, chị đồng ý trả số vàng nêu trên cho Chị L và chị T xin được hòa giải và xét xử vắng mặt trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Riêng chị T xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2] Về nội dung tranh chấp được xác định là tranh chấp xin ly hôn. Chị L và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào ngày 22/02/2007, nên hôn nhân của Chị L và anh N được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Chị L kiên quyết ly hôn, còn anh N không đồng ý. Xét thấy, anh N cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì và yêu cầu hòa giải hàng ngày cho vợ chồng nhưng Tòa án thông báo mời hòa

giải lần thứ hai và triệu tập anh N đến Tòa án để hòa giải và xét xử vụ án nhiều lần anh N không đến đều đó cho thấy rằng, anh N không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, còn Chị L cho rằng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay, không còn chung sống trong một mái nhà, không ai quan tâm ai, vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng là thực tế có xảy ra cho nên Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa Chị L và anh N có nhiều mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của Chị L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 người con tên Trương Đăng Khôi, sinh ngày 10/5/2008 và Trương Nguyên Chương, sinh ngày 10/10/2014 hiện nay hai con đang sống với anh N. Khi ly hôn, các con có nguyện vọng sống với anh N, Chị L yêu cầu giao hai con cho Nghiên nuôi, anh N đồng ý và nhận trách nhiệm nuôi hai con nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của đương sự nên cần giao hai con cho anh N nuôi là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, Chị L và anh N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản riêng: Chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị L và anh N khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình Chị L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56,57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Chị L được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trương Đăng Khôi, sinh ngày 10/5/2008 và Trương Nguyên Chương, sinh ngày 10/10/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét.

- Về tài sản chung, tài sản riêng: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng, ngày 24 tháng 02 năm 2022 Chị L đã dự nộp 820.000 đồng tại lai số 0000883 được đối trừ, Chị L được nhận lại 520.000 đồng khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N và chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND xã Tân Thành,TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Linh